

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: **2364/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Định, ngày 10 tháng 7 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng**

**Dự án: Đầu tư hạ tầng khu đất tại xã Phước Lộc (giai đoạn 1)  
phục vụ bố trí tái định cư Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đất tại xã Phước Lộc huyện Tuy Phước để bố trí cho các cơ sở, tổ chức di dời ra khỏi thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương đầu tư xây dựng dự án Đầu tư hạ tầng khu đất tại xã Phước Lộc (giai đoạn 1), phục vụ bố trí tái định cư Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Văn bản số 122/TTr-BGPMB ngày 24/5/2019, đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 114/SXD-HTKTTĐ ngày 12/5/2019, Văn bản số 824/SXD-HTKTTĐ ngày 21/5/2019 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 306/BC-SKHĐT ngày 30/5/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, với nội dung chính như sau:**

**1. Tên dự án:** Đầu tư hạ tầng khu đất tại xã Phước Lộc (giai đoạn 1), phục vụ bố trí tái định cư Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải.

**2. Nhóm dự án:** Dự án nhóm C.

**3. Loại và cấp công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp II.

**4. Chủ đầu tư:** Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh.

**5. Địa điểm xây dựng:** xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.

**6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình Khu đất tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước để bố trí cho các cơ sở, tổ chức di dời ra khỏi thành phố Quy Nhơn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 01/10/2018.

**7. Quy mô đầu tư xây dựng:** Diện tích đầu tư xây dựng giai đoạn 1: khoảng 7,51 ha.

**a. San nền**

- San nền mặt bằng giai đoạn 1 với tổng diện tích 75.145,40m<sup>2</sup>, hướng dốc từ Tây sang phía Đông, độ dốc san nền  $i=0.001-0.004$ .
- Cao độ thiết kế cao nhất +7,5m, cao độ thiết kế thấp nhất +6,8m.
- Chiều cao đắp đất trung bình là 2,84m.
- San nền bằng đất cấp phối đồi dự kiến khai thác tại mỏ đất QN03 thuộc phường Bùi Thị Xuân; độ chặt yêu cầu  $K=0,90$ .
- Gia cố mái taluy tấm lát bê tông M200 kích thước (50x50x20)cm và (60x60x60)cm.

**b. Đường giao thông**

- Xây dựng đường giao thông với quy mô đường phố nội bộ theo TCXDVN 104-2007 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế, cụ thể như sau:

- + Chiều dài tuyến đường:  $L=393,0m$ ;
- + Mặt cắt ngang tuyến đường:  $B=4,5m+9m+4,5m$ ;
- + Tốc độ thiết kế tối đa  $V_{tt}=30km/h$ ;
- + Độ dốc ngang mặt đường 2%;
- + Độ dốc ngang vỉa hè thiết kế -1,0%
- Kết cấu mặt đường nút giao:
  - + Lớp đáy áo đường cấp phối đất dày 30cm đầm chặt K98;
  - + Lớp móng dưới cấp phối đá dăm  $D_{max} 37,5$  dày 16cm đầm chặt K98;
  - + Lớp móng dưới cấp phối đá dăm  $D_{max} 25$  dày 15cm đầm chặt K98;
  - + Lớp mặt dưới bằng bê tông nhựa C19 dày 7cm;
  - + Lớp mặt trên bằng bê tông nhựa C12,5 dày 5cm.
- Kết cấu mặt đường tuyến thẳng:
  - + Lớp đáy áo đường cấp phối đất dày 30cm đầm chặt K98;
  - + Lớp móng dưới cấp phối đá dăm  $D_{max} 37,5$  dày 16cm đầm chặt K98;
  - + Lớp móng dưới cấp phối đá dăm  $D_{max} 25$  dày 15cm đầm chặt K98;
- Kết cấu bờ vỉa hè: Bờ vỉa hè làm bằng bê tông xi măng M250 đá 1x2.

**c. Thoát nước mưa**

- Hệ thống cống tròn BTLT D2000 và D800 hoàn trả mương thủy lợi.

- Hệ thống rãnh thu nước mái taluy từ đường QL19 mới chảy về với kết cấu bằng BTXM đá 1x2 M200; kích thước 40cmx40cm; thành mương, đáy mương dày 15cm.

- Thiết kế đầu nổi thoát nước bằng cống BTLT D1200 với cống qua đường QL19.

- Hệ thống thoát nước mặt đường sử dụng cống BTLT D600; cống trên vỉa hè sử dụng cống có tải trọng Hvh; cống ngang qua đường sử dụng cống có tải trọng H30.

- Kết cấu thành hố ga cống thoát nước mưa D600 bằng BTXM đá 2x4 M200 dày 25cm, kết cấu tấm đan bằng BTCT đá 1x2 M250 dày 10cm.

- Kết cấu thành hố thăm cống thoát nước mưa D2000 bằng BTXM đá 2x4 M200 dày 30cm, kết cấu tấm đan bằng BTCT đá 1x2 M250 dày 10cm.

- Cửa xả: Kết cấu tường đầu, tường cánh bằng BTXM đá 2x4 M200, kết cấu chân khay, sân cống bằng BTCT đá 2x4M150.

- Xây dựng mương thoát nước hoàn trả mương tiêu bằng BTCT L=533,10m; kích thước 40cmx75cm; thành mương, đáy mương dày 15cm.

#### **d. Hệ thống cấp điện (đường dây 22kV)**

- Hệ thống đường dây 22kV được đầu nối với tuyến điện 22kV hiện trạng ở phía Đông của dự án.

- Xây dựng mới tuyến trung thế đi nổi trên các cột điện BTLT cao 14m đi dọc theo tuyến QL19 mới. Tổng chiều dài tuyến điện là 350,0m. Móng cột bằng BTCT giằng cấp đúc tại chỗ: MT-4; MT-4G.

- Dây dẫn: Cấp trung thế nhôm bọc XLPE-12,7/24kV-A95mm<sup>2</sup>.

- Trạm biến áp được đặt tại vị trí góc phía Đông Bắc của dự án, tại cột C6; công suất máy biến áp: 250kVA-22±2x2,5%/0.4kV.

**8. Giá trị tổng mức đầu tư: 58.541.359.00 đồng** (Năm mươi tám tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn đồng). Trong đó:

- |                                   |                      |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Chi phí bồi thường, hỗ trợ TĐC: | 10.868.513.000 đồng; |
| - Giá trị xây lắp:                | 38.944.653.000 đồng; |
| - Chi phí thiết bị:               | 266.474.000 đồng;    |
| - Chi phí QLDA:                   | 788.856.000 đồng;    |
| - Chi phí TV ĐTXD:                | 2.148.989.000 đồng;  |
| - Chi phí khác:                   | 2.764.797.000 đồng;  |
| - Chi phí dự phòng:               | 2.759.077.000 đồng.  |

**9. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**10. Hình thức quản lý dự án:** Theo quy định hiện hành.

**11. Thời gian thực hiện:** Năm 2019 - 2021.

**12. Tổ chức thực hiện:** Theo Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu.

**Điều 2.** Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / 76

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19 (M.12b). 



**Phan Cao Thắng**